

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận trúng tuyển Dược sĩ chuyên khoa cấp I năm 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 224/TTg ngày 24/5/1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc đào tạo trên đại học ở trong nước;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ công văn số 2747/BYT-K2ĐT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế về việc chấp thuận tiêu chuẩn đào tạo CKI, CKII cho Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ công văn số 6059/BYT-K2ĐT ngày 11/10/2018 của Bộ Y tế về việc bổ sung chỉ tiêu đào tạo CKI cho Trường Đại học Dược Hà Nội;

Xét đề nghị của Trường phòng Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển Dược sĩ chuyên khoa cấp I năm 2018 cho 305 học viên có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các thí sinh trúng tuyển có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ và được hưởng các quyền lợi theo Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng Phòng Sau đại học, Tài chính kế toán và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế (để b/c);
- Lưu: VT, SDH.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Nguyễn Thanh Bình

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐƯỢC SĨ CHUYÊN KHOA I NĂM 2018

(Kèm theo QĐ số 1223/QĐ-DHN ngày 15 tháng 10 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)

TT	Họ tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	KTBC& SDH	Hóa dược	Tổng điểm
1	Lê Thị	Nhân	Nữ	01/12/1989	Thanh Hóa	10.00	10.00	20.00
2	Lưu Thị	Dung	Nữ	30/10/1986	Bắc Ninh	9.75	10.00	19.75
3	Vũ Thị Thu	Hương	Nữ	15/08/1972	Thái Bình	9.75	10.00	19.75
4	Triệu Thị	Kiều	Nữ	20/09/1986	Cao Bằng	9.75	10.00	19.75
5	Nguyễn Thế	Anh	Nam	01/03/1988	Thanh Hóa	9.50	10.00	19.50
6	Trần Xuân	Duyên	Nam	01/05/1979	Điện Biên	9.50	10.00	19.50
7	Lê Thị	Gấm	Nữ	06/01/1975	Nam Định	9.75	9.75	19.50
8	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	22/06/1988	Thanh Hóa	9.50	10.00	19.50
9	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	10/01/1986	Hà Nội	9.50	10.00	19.50
10	Bế Thị	Huế	Nữ	25/05/1990	Cao Bằng	9.50	10.00	19.50
11	Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	30/01/1975	Tuyên Quang	9.75	9.75	19.50
12	Nguyễn Tố	Khanh	Nữ	06/10/1987	Thái Nguyên	9.50	10.00	19.50
13	Nguyễn Tiến	Mạnh	Nam	20/11/1986	Bắc Giang	9.75	9.75	19.50
14	Ngô Thị	Mỹ	Nữ	12/02/1988	Nghệ An	9.75	9.75	19.50
15	Hà Thị	Ngọc	Nữ	06/10/1989	Thanh Hóa	9.50	10.00	19.50
16	Phan Thị	Nụ	Nữ	05/04/1987	Hưng Yên	9.50	10.00	19.50
17	Trần Thị	Phượng	Nữ	20/10/1989	Hà Tĩnh	9.50	10.00	19.50
18	Lê Hữu	Tân	Nam	23/09/1991	Thanh Hóa	9.50	10.00	19.50
19	Lý Hoàng	Yến	Nữ	21/03/1989	Lạng Sơn	9.50	10.00	19.50
20	Bùi Thị Thu	Hà	Nữ	11/05/1988	Nam Định	9.25	10.00	19.25
21	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	02/11/1979	Hải Phòng	9.25	10.00	19.25
22	Phạm Quỳnh	Hiên	Nữ	19/11/1993	Bắc Giang	9.25	10.00	19.25
23	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	Nữ	29/05/1975	Nghệ An	9.50	9.75	19.25
24	Hoàng Công	Huy	Nam	30/05/1992	Thái Nguyên	9.25	10.00	19.25
25	Vũ Thị	Hường	Nữ	07/05/1983	Lai Châu	9.25	10.00	19.25
26	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	09/02/1991	Ninh Bình	9.25	10.00	19.25
27	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	29/12/1990	Hà Giang	9.25	10.00	19.25
28	Lê Thị Quỳnh	Mai	Nữ	15/09/1992	Hưng Yên	9.25	10.00	19.25
29	Bùi Văn	Quỳnh	Nam	06/09/1988	Hải Phòng	9.75	9.50	19.25
30	Triệu Kim	Sơn	Nữ	10/05/1989	Thái Nguyên	9.75	9.50	19.25
31	Lý Thanh	Tâm	Nữ	11/06/1985	Lang Sơn	9.50	9.75	19.25
32	Vương Thị	Thảo	Nữ	11/02/1987	Hà Nam	9.25	10.00	19.25
33	Trần Anh	Thiên	Nam	21/11/1990	Nam Định	9.25	10.00	19.25
34	Trương Thị	Thu	Nữ	08/02/1984	Ninh Bình	9.25	10.00	19.25
35	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	12/08/1988	Thanh Hóa	9.25	10.00	19.25
36	Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	18/09/1989	Ninh Bình	9.25	10.00	19.25
37	Trần Thị Thảo	Yến	Nữ	22/12/1990	Thanh Hóa	9.50	9.75	19.25
38	Trần Kim	Chung	Nữ	02/10/1983	Hà Nam	9.00	10.00	19.00
39	Phan Anh	Đức	Nam	26/12/1986	Hà Nội	9.25	9.75	19.00
40	Nguyễn Tuyên	Hải	Nữ	25/12/1990	Phú Thọ	9.00	10.00	19.00

41	Phạm Thanh	Hoa	Nữ	05/05/1988	Hải Phòng	9.25	9.75	19.00
42	Phạm Viết	Hùng	Nam	02/10/1989	Lai Châu	9.25	9.75	19.00
43	Vũ Hồng Ngọc	Hưng	Nam	24/08/1993	Hải Phòng	9.00	10.00	19.00
44	Bùi Thị Sao	Mi	Nữ	13/09/1992	Cao Bằng	9.75	9.25	19.00
45	Đoàn Thị	Nét	Nữ	31/07/1989	Bắc Giang	9.25	9.75	19.00
46	Lê Hữu	Nghị	Nam	24/02/1990	Hà Tĩnh	9.00	10.00	19.00
47	Nguyễn Công	Ninh	Nam	11/11/1989	Nghệ An	9.25	9.75	19.00
48	Nguyễn Thị Mỹ	Nương	Nữ	03/03/1983	Lào Cai	9.50	9.50	19.00
49	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	31/12/1990	Thanh Hóa	9.25	9.75	19.00
50	Tạ Thị	Quyên	Nữ	15/02/1985	Hà Nam	9.00	10.00	19.00
51	Nông Thị	Thắm	Nữ	15/07/1989	Bắc Thái	9.50	9.50	19.00
52	Lường Văn	Tiến	Nam	01/09/1990	Điện Biên	9.25	9.75	19.00
53	Đàm Thị	Tuyền	Nữ	16/03/1989	Cao Bằng	9.50	9.50	19.00
54	Hà Thanh	Tùng	Nam	23/10/1980	Lạng Sơn	9.25	9.75	19.00
55	Nông Thị	Vân	Nữ	31/05/1986	Cao Bằng	9.00	10.00	19.00
56	Trần Văn	Chện	Nam	16/06/1989	Kiên Giang	9.25	9.75	19.00
57	Nguyễn Thị Thu	Thoa	Nữ	05/04/1982	Quảng Ninh	9.50	9.50	19.00
58	Lê Hồng	Bích	Nữ	20/09/1982	Hà Giang	8.75	10.00	18.75
59	Bùi Thúy	Hà	Nữ	12/12/1984	Lạng Sơn	9.50	9.25	18.75
60	Trần Thị	Hà	Nữ	06/05/1982	Hà Nam	9.50	9.25	18.75
61	Trương Thị	Hiếu	Nữ	04/10/1988	Hà Nội	8.75	10.00	18.75
62	Dương Thanh	Hòa	Nữ	28/09/1976	Lạng Sơn	8.75	10.00	18.75
63	Ngô Thị Bích	Hồng	Nữ	19/12/1988	Lạng Sơn	9.25	9.50	18.75
64	Nguyễn Quang	Huy	Nam	14/03/1989	Sơn La	9.00	9.75	18.75
65	Lại Thị Phương	Liên	Nữ	20/01/1992	Tuyên Quang	9.50	9.25	18.75
66	Đoàn Thị Thanh	Mai	Nữ	30/11/1981	Hà Nội	8.75	10.00	18.75
67	Lê Thị	Na	Nữ	22/08/1989	Thanh Hóa	9.25	9.50	18.75
68	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	04/08/1989	Tuyên Quang	9.25	9.50	18.75
69	Nguyễn Thị	Nhớ	Nữ	06/01/1986	Hải Phòng	9.00	9.75	18.75
70	Hoàng Minh	Phương	Nữ	21/08/1985	Cao Bằng	9.25	9.50	18.75
71	Nghiêm Đình	Thắng	Nam	17/03/1983	Hà Nội	8.75	10.00	18.75
72	Cao Thị	Thuận	Nữ	06/12/1987	Thanh Hóa	9.25	9.50	18.75
73	Nông Thị Hiền	Trang	Nữ	11/06/1990	Tuyên Quang	9.00	9.75	18.75
74	Võ Thành	Lộc	Nữ	08/10/1989	Bình Dương	8.75	10.00	18.75
75	Nguyễn Văn	Thừa	Nam	15/02/1981	Cà Mau	8.75	10.00	18.75
76	Nguyễn Thị Thu	Giang	Nữ	25/06/1974	Bắc Ninh	9.50	9.00	18.50
77	Lường Thanh	Hải	Nam	18/04/1988	Sơn La	9.25	9.25	18.50
78	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	29/06/1991	Bắc Giang	8.75	9.75	18.50
79	Trần Thị Thanh	Hoa	Nữ	20/03/1989	Lạng Sơn	9.00	9.50	18.50
80	Ngô Thanh	Huyền	Nữ	14/12/1991	Tuyên Quang	9.50	9.00	18.50
81	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	20/01/1988	Thanh Hóa	8.50	10.00	18.50
82	Phạm Phương	Lan	Nữ	12/10/1988	Lạng Sơn	9.00	9.50	18.50
83	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	01/09/1981	Sơn La	9.00	9.50	18.50
84	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	30/05/1993	Hưng Yên	9.50	9.00	18.50
85	Đỗ Thị Minh	Thu	Nữ	26/01/1985	Phú Thọ	9.25	9.25	18.50
86	Lê Phương	Thúy	Nữ	01/11/1988	Hưng Yên	8.75	9.75	18.50
87	Nguyễn Kim	Thủy	Nữ	11/09/1988	Ninh Bình	9.00	9.50	18.50

th

88	Hoàng Bích	Thủy	Nữ	12/11/1983	Lạng Sơn	8.50	10.00	18.50
89	Lý Hoàng	Vinh	Nam	25/12/1991	Thanh Hóa	9.00	9.50	18.50
90	Trần Thị Thanh	Diệu	Nữ	06/06/1983	Bình Thuận	9.25	9.25	18.50
91	Trần Thị	Hoa	Nữ	19/05/1975	Nam Định	9.00	9.50	18.50
92	Đào Thị	Huyền	Nữ	20/09/1985	Nam Định	8.50	9.75	18.25
93	Bùi Minh	Hùng	Nam	12/03/1987	Thanh Hóa	8.50	9.75	18.25
94	Đinh Thị Thu	Hường	Nữ	04/05/1988	Ninh Bình	9.25	9.00	18.25
95	Trần Thị	Quy	Nữ	10/03/1990	Phú Thọ	9.25	9.00	18.25
96	Vũ Thị Thanh	Tâm	Nữ	26/07/1987	Lai Châu	8.75	9.50	18.25
97	Vương Thị	Tâm	Nữ	22/09/1990	Bắc Ninh	8.25	10.00	18.25
98	Hồ Thị	Thanh	Nữ	18/07/1984	Nghệ An	9.00	9.25	18.25
99	Phạm Hồng	Thái	Nam	07/04/1990	Yên Bái	9.25	9.00	18.25
100	Phan Quang	Thế	Nam	12/06/1984	Hà Nam	8.75	9.50	18.25
101	Hà Thị Ngọc	Thoan	Nữ	10/08/1982	Cao Bằng	9.00	9.25	18.25
102	Nông Thị Khánh	Vân	Nữ	09/12/1990	Lai Châu	9.00	9.25	18.25
103	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	21/12/1989	Hải Phòng	8.75	9.50	18.25
104	Nguyễn Trang Ngọc Hiếu	Thuận	Nữ	28/09/1984	Tp.HCM	8.75	9.50	18.25
105	Nguyễn Nguyễn Hồng	Trâm	Nữ	01/05/1986	Lâm Đồng	8.50	9.75	18.25
106	Đồng Thị	Dược	Nữ	21/10/1985	Bắc Kạn	9.00	9.00	18.00
107	Lê Thị	Giang	Nữ	05/04/1989	Thanh Hóa	8.50	9.50	18.00
108	Chu Thị Ngọc	Hằng	Nữ	02/01/1989	Lạng Sơn	8.75	9.25	18.00
109	Dư Trung	Hiếu	Nam	01/10/1983	Lạng Sơn	8.50	9.50	18.00
110	Vũ Đức	Hoàn	Nam	18/07/1990	Hưng Yên	8.50	9.50	18.00
111	Nguyễn Thị	Hoạt	Nữ	15/04/1983	Nam Định	8.50	9.50	18.00
112	Đồng Thị	Hương	Nữ	24/08/1983	Hải Phòng	8.25	9.75	18.00
113	Nguyễn Thị Phương	Liên	Nữ	21/11/1987	Vĩnh Phúc	9.00	9.00	18.00
114	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	09/11/1984	Hải Phòng	9.25	8.75	18.00
115	Nguyễn Thị	Năm	Nữ	07/05/1982	Thanh Hóa	8.75	9.25	18.00
116	Hà Thị Hồng	Quyên	Nữ	06/09/1985	Tuyên Quang	8.75	9.25	18.00
117	Lê Phương	Thảo	Nữ	01/07/1991	ĐB-Lai Châu	8.50	9.50	18.00
118	Trần Thị Hồng	Thắm	Nữ	20/12/1991	Thái Bình	8.75	9.25	18.00
119	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	23/03/1985	Hà Nam	9.25	8.75	18.00
120	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	02/10/1983	Bắc Giang	8.25	9.75	18.00
121	Phạm Hồng	Vân	Nữ	10/12/1992	Thanh Hóa	8.50	9.50	18.00
122	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	Nữ	10/05/1990	Đồng Nai	8.25	9.75	18.00
123	Phạm Thanh	Nam	Nam	11/10/1988	Tp.HCM	8.75	9.25	18.00
124	Lâm Quang	Tuấn	Nam	17/01/1983	Hà Tây	9.25	8.75	18.00
125	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	01/10/1982	Lạng Sơn	9.50	8.25	17.75
126	Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	27/08/1989	Thái Bình	9.00	8.75	17.75
127	Đoàn Thị	Diễm	Nữ	24/05/1984	Lạng Sơn	9.00	8.75	17.75
128	Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	12/05/1990	Hải Phòng	8.00	9.75	17.75
129	Nguyễn Trí	Dũng	Nam	20/06/1981	Quảng Ninh	8.25	9.50	17.75
130	Nguyễn Văn	Đồng	Nam	14/12/1991	Hưng Yên	8.50	9.25	17.75
131	Bùi Việt	Hà	Nữ	24/03/1981	Thái Bình	9.00	8.75	17.75
132	Lê Văn	Hiếu	Nam	12/08/1988	Thanh Hóa	8.00	9.75	17.75
133	Lê Văn	Hưng	Nam	02/02/1977	Thái Nguyên	8.25	9.50	17.75
134	Nguyễn Thị	Nam	Nữ	07/08/1984	Quảng Ninh	8.75	9.00	17.75
135	Dương Thị	Oanh	Nữ	06/09/1984	Hà Nam	9.25	8.50	17.75

136	Vũ Thị Thu	Phương	Nữ	05/07/1988	Lào Cai	9.00	8.75	17.75
137	Nguyễn Bích	Thảo	Nữ	27/03/1988	Tuyên Quang	9.25	8.50	17.75
138	Hồ Thị Cúc	Mai	Nữ	12/09/1982	Long An	9.25	8.50	17.75
139	Lê Thị Hồng	Vân	Nữ	01/04/1985	Tp. HCM	9.00	8.75	17.75
140	Ngô Kim	Chi	Nữ	24/12/1974	Lạng Sơn	8.25	9.25	17.50
141	Hoàng Minh	Doãn	Nam	11/02/1989	Lạng Sơn	8.75	8.75	17.50
142	Hoàng Ngân	Hà	Nữ	28/07/1988	Lạng Sơn	8.50	9.00	17.50
143	Lê Thu	Hà	Nữ	06/10/1990	Thái Nguyên	8.75	8.75	17.50
144	Hoàng Hải	Hà	Nữ	08/10/1988	Nam Định	9.00	8.50	17.50
145	Mai Thành	Hoàng	Nam	20/09/1988	Tuyên Quang	9.00	8.50	17.50
146	Phạm Thị Bích	Hồng	Nữ	26/11/1983	Lạng Sơn	8.50	9.00	17.50
147	Đỗ Thị Thanh	Hồng	Nữ	09/11/1977	Lai Châu	8.25	9.25	17.50
148	Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	07/10/1984	Hà Tĩnh	8.75	8.75	17.50
149	Nguyễn Thị Bích	Liên	Nữ	25/08/1983	Tuyên Quang	8.75	8.75	17.50
150	Hồ Thị	Mai	Nữ	12/08/1985	Hà Nội	9.00	8.50	17.50
151	Nguyễn Thu	Mai	Nữ	06/09/1992	Lạng Sơn	8.25	9.25	17.50
152	Bùi Thị	Min	Nữ	02/11/1985	Thái Bình	9.00	8.50	17.50
153	Lương Thị	Minh	Nữ	02/09/1988	Thanh Hóa	8.25	9.25	17.50
154	Vì Mạnh	Phúc	Nam	14/07/1983	Lạng Sơn	9.00	8.50	17.50
155	Dương Thúy	Quỳnh	Nữ	06/03/1988	Bắc Giang	8.75	8.75	17.50
156	Lê Tùng	Sơn	Nam	27/07/1992	Vĩnh Phúc	9.00	8.50	17.50
157	Nguyễn Thế	Sơn	Nam	14/04/1986	Bắc Giang	9.75	7.75	17.50
158	Phạm Văn	Thiên	Nam	01/07/1987	Thanh Hóa	8.25	9.25	17.50
159	Nguyễn Anh	Tiến	Nam	22/06/1980	Nghệ An	8.75	8.75	17.50
160	Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	27/03/1984	Hải Phòng	9.00	8.50	17.50
161	Nguyễn Ngọc	Tú	Nam	22/10/1985	Hưng Yên	7.75	9.75	17.50
162	Cù Phương	Ân	Nam	22/12/1984	Vĩnh Long	9.75	7.75	17.50
163	Hứa Thái	Bình	Nam	24/04/1984	Tây Ninh	8.25	9.25	17.50
164	Phạm Thu	Hương	Nữ	03/11/1976	Thái Bình	8.75	8.75	17.50
165	Hoàng Văn	Chiến	Nam	13/09/1982	Phú Thọ	9.50	7.75	17.25
166	Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	08/02/1988	Bắc Ninh	8.25	9.00	17.25
167	Đinh Thị	Hà	Nữ	20/01/1982	Hà Nam	8.75	8.50	17.25
168	Phạm Văn	Huỳnh	Nam	16/07/1986	Bắc Giang	8.50	8.75	17.25
169	Đào Thị	Hương	Nữ	21/04/1984	Sơn La	8.75	8.50	17.25
170	Triệu Kim	Ngân	Nữ	01/03/1992	Tuyên Quang	8.50	8.75	17.25
171	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	26/03/1974	Tuyên Quang	9.25	8.00	17.25
172	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	20/10/1984	Hải Phòng	8.75	8.50	17.25
173	Vũ Minh	Thùy	Nữ	02/11/1988	Yên Bái	8.75	8.50	17.25
174	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	20/04/1988	Bắc Giang	8.50	8.75	17.25
175	Hà Quang	Tuyến	Nam	09/09/1984	Hà Nội	8.50	8.75	17.25
176	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	10/09/1983	Đồng Nai	8.50	8.75	17.25
177	Hoàng Vũ Tú	Anh	Nữ	26/07/1987	Nghệ An	7.75	9.25	17.00
178	Bùi Quang	Diện	Nam	22/07/1981	Thái Bình	8.50	8.50	17.00
179	Lò Thị Hương	Hà	Nữ	09/10/1987	Điện Biên	8.25	8.75	17.00
180	Đào Thị	Huyền	Nữ	02/04/1984	Điện Biên	8.00	9.00	17.00
181	Linh Lan	Hương	Nữ	11/03/1985	Lạng Sơn	8.00	9.00	17.00
182	Phạm Bích	Liên	Nữ	31/10/1978	Quảng Ninh	8.00	9.00	17.00

183	Nguyễn Diệu	Mai	Nữ	01/01/1990	Bắc Kạn	8.75	8.25	17.00
184	Phạm Huy	Quang	Nam	13/10/1983	Ninh Bình	8.75	8.25	17.00
185	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	07/11/1992	Điện Biên	9.00	8.00	17.00
186	Phạm Thị Hồng	Thúy	Nữ	18/10/1990	Hà Giang	9.00	8.00	17.00
187	Đàm Danh	Tuyên	Nam	08/05/1987	Cao Bằng	8.25	8.75	17.00
188	Bạch Thị Hải	Yến	Nữ	26/10/1987	Hà Tĩnh	7.75	9.25	17.00
189	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	22/12/1981	Tp. HCM	8.00	9.00	17.00
190	Đặng Ngọc	Hiền	Nam	07/11/1990	Tp.HCM	8.00	9.00	17.00
191	Đoàn Mạnh	Hùng	Nam	03/04/1984	Tp. HCM	8.25	8.75	17.00
192	Nguyễn Thế	Hùng	Nam	30/05/1968	Đồng Tháp	8.00	9.00	17.00
193	Nguyễn Đức	Nghĩa	Nam	24/11/1973	Hà Tĩnh	7.50	9.50	17.00
194	Phạm Huỳnh Minh	Trí	Nam	10/10/1989	Tp.HCM	8.00	9.00	17.00
195	Nguyễn Đình	Hội	Nam	10/09/1971	Nghệ An	8.00	8.75	16.75
196	Vy Văn	Hương	Nam	19/11/1974	Lạng Sơn	8.25	8.50	16.75
197	Hà Văn	Quý	Nam	29/08/1984	Phú Thọ	8.50	8.25	16.75
198	Vũ Tài	Thắng	Nam	12/12/1980	Hòa Bình	9.00	7.75	16.75
199	Phạm Thị Nghĩa	Bình	Nữ	16/10/1982	Bình Thuận	8.75	8.00	16.75
200	Nguyễn Ngọc	Cánh	Nam	31/12/1982	Bình Thuận	9.00	7.75	16.75
201	Nguyễn Duy	Dung	Nữ	09/05/1982	Hậu Giang	8.00	8.75	16.75
202	Đỗ Ngọc	Hân	Nữ	02/12/1989	Bến Tre	7.00	9.75	16.75
203	Mai Thị Vân	Anh	Nữ	23/03/1989	Tuyên Quang	7.50	9.00	16.50
204	Hoàng Tú	Anh	Nữ	05/11/1986	Hòa Bình	8.75	7.75	16.50
205	Phan Ngọc	Ánh	Nam	09/11/1987	Ninh Bình	8.25	8.25	16.50
206	Dương Thị	Chinh	Nữ	02/07/1985	Bắc Giang	9.00	7.50	16.50
207	Bùi Công	Định	Nam	12/06/1974	Hưng Yên	8.25	8.25	16.50
208	Lương Thị Thu	Hà	Nữ	12/04/1974	Hà Nam	9.00	7.50	16.50
209	Trần Thu	Hằng	Nữ	16/07/1990	Lạng Sơn	8.75	7.75	16.50
210	Vũ Thị	Hiếu	Nữ	20/11/1988	Thái Bình	7.50	9.00	16.50
211	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	31/12/1992	Hưng Yên	8.25	8.25	16.50
212	Lăng Thị	Phượng	Nữ	17/08/1988	Thái Nguyên	8.50	8.00	16.50
213	Bùi Thanh	Bình	Nam	18/04/1985	Đồng Nai	8.25	8.25	16.50
214	Lê Ngọc	Hân	Nữ	03/12/1982	Tiền Giang	7.50	9.00	16.50
215	Lê Văn	Hoàng	Nam	25/11/1977	Thanh Hóa	8.75	7.75	16.50
216	Lý Thị Ngọc	Anh	Nữ	17/09/1982	Bắc Kạn	9.25	7.00	16.25
217	Vy Thị	Bằng	Nữ	13/02/1977	Lạng Sơn	8.00	8.25	16.25
218	Tòng Thị Hồng	Hạnh	Nữ	31/12/1984	Sơn La	7.25	9.00	16.25
219	Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	09/11/1990	Thanh Hóa	8.00	8.25	16.25
220	Hoàng Thị Thúy	Hằng	Nữ	19/11/1979	Tuyên Quang	8.00	8.25	16.25
221	Đặng Thị Thu	Huyền	Nữ	31/10/1979	Tuyên Quang	8.00	8.25	16.25
222	Mông Thị Hồng	Nhung	Nữ	14/06/1989	Tuyên Quang	7.50	8.75	16.25
223	Phạm Phương	Duy	Nam	18/04/1984	Thái Bình	7.75	8.50	16.25
224	Võ Thanh	Duy	Nam	30/12/1983	Long An	8.00	8.25	16.25
225	Võ Thị Nhã	Phương	Nữ	12/02/1984	Gia Lai	7.25	9.00	16.25
226	Trương Thị Kim	Quyên	Nữ	10/07/1972	Đồng Tháp	8.75	7.50	16.25
227	Lê Thị Đào	Nhung	Nữ	20/03/1983	Lai Châu	7.75	8.25	16.00
228	Phạm Tuấn	Anh	Nam	16/10/1985	Bình Thuận	8.75	7.25	16.00
229	Phạm Lê Phương	Anh	Nữ	11/08/1990	Tp. HCM	8.25	7.75	16.00
230	Huỳnh Thị Tuyết	Trình	Nữ	20/08/1978	Tây Ninh	7.00	9.00	16.00

42

231	Mai Thành	Biên	Nam	08/04/1987	Thanh Hóa	8.75	7.00	15.75
232	Nguyễn Công	Đạt	Nam	08/02/1993	Nghệ An	8.00	7.75	15.75
233	Chu Minh	Hải	Nam	16/04/1989	Thái Nguyên	7.75	8.00	15.75
234	Trần Khắc	Hạnh	Nam	05/04/1973	Nam Định	7.25	8.50	15.75
235	Vũ Thị	Nga	Nữ	15/03/1982	Thanh Hóa	7.50	8.25	15.75
236	Lê Thị Kim	Quyên	Nữ	11/11/1985	Yên Bái	7.25	8.50	15.75
237	Trần	Quyết	Nam	23/07/1986	Phú Thọ	9.00	6.75	15.75
238	Trần Thị	Vân	Nữ	06/08/1986	Thanh Hóa	7.75	8.00	15.75
239	Nguyễn Hoàng	Phong	Nam	15/10/1980	Đồng Tháp	8.25	7.50	15.75
240	Nguyễn Duy	Phương	Nam	31/05/1983	Vũng Tàu	7.50	8.25	15.75
241	Lê Hồng	Phượng	Nữ	24/07/1984	Bình Dương	6.75	9.00	15.75
242	Phạm Văn	Hiệp	Nam	10/10/1987	Nam Định	6.75	8.75	15.50
243	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	27/11/1988	Thanh Hóa	7.75	7.75	15.50
244	Nguyễn Thị	Hợp	Nữ	02/09/1979	Thanh Hóa	7.00	8.50	15.50
245	Nguyễn Việt	Phú	Nam	15/08/1980	Vĩnh Phúc	7.75	7.75	15.50
246	Nguyễn Văn	Thuật	Nam	16/12/1988	Tuyên Quang	7.25	8.25	15.50
247	Ngô Thanh	Tuấn	Nam	22/07/1987	Hòa Bình	7.75	7.75	15.50
248	Hoàng Văn	Hiệu	Nam	22/06/1980	Lạng Sơn	7.50	7.75	15.25
249	Trần Đình	Chiều	Nam	03/05/1971	Tây Ninh	7.50	7.75	15.25
250	Trần Thị Thanh	Hường	Nữ	29/06/1980	Tp. HCM	7.50	7.75	15.25
251	Lộc Bích	Thảo	Nữ	18/05/1969	Lạng Sơn	6.50	8.50	15.00
252	Nông Hồng	Thiên	Nam	17/05/1982	Lạng Sơn	7.00	8.00	15.00
253	Nguyễn Trọng	Vĩnh	Nam	13/04/1984	Thanh Hóa	8.00	7.00	15.00
254	Phạm Vũ	Lin	Nam	16/05/1976	Long An	7.00	8.00	15.00
255	Thân Thị Thanh	Hải	Nữ	01/01/1986	Đà Lạt	5.75	9.25	15.00
256	Hoàng Lê	Hưng	Nam	24/12/1980	Hải Phòng	7.50	7.25	14.75
257	Đỗ Thị Mị	Nương	Nữ	25/05/1981	Hà Nam	8.25	6.50	14.75
258	Trương Khắc	Quỳnh	Nam	06/08/1989	Thanh Hóa	8.25	6.50	14.75
259	Bùi Hữu	Toan	Nam	30/06/1973	Thái Bình	7.00	7.75	14.75
260	Lê Đặng Minh	Đạo	Nam	23/07/1975	Tây Ninh	7.75	7.00	14.75
261	Nguyễn Thụy Hoàng	Hải	Nữ	07/06/1982	Tp. HCM	6.75	8.00	14.75
262	Nguyễn Tiến	Hùng	Nam	29/09/1986	Nghệ An	7.75	6.94	14.69
263	Lý Trọng	Khánh	Nam	22/03/1987	Lạng Sơn	6.75	7.75	14.50
264	Nguyễn Hùng	Mạnh	Nam	21/09/1974	Hà Nam	6.50	8.00	14.50
265	Đoàn Hồng	Quảng	Nam	04/09/1992	Hải Phòng	7.75	6.75	14.50
266	Lê Phương	Thảo	Nữ	05/11/1989	Thanh Hóa	6.75	7.75	14.50
267	Phan Nhật	Anh	Nam	18/11/1981	Nam Định	7.50	6.75	14.25
268	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	18/04/1982	Vĩnh Phúc	7.75	6.50	14.25
269	Trần Mạnh	Hùng	Nam	07/11/1979	Lai Châu	7.25	7.00	14.25
270	Phạm Bích	Ngọc	Nữ	21/07/1971	Bắc Ninh	6.50	7.75	14.25
271	Nguyễn Hồng	Châu	Nam	17/04/1980	Tiền Giang	8.50	5.75	14.25
272	Võ Minh	Huy	Nam	17/04/1988	Bình Dương	7.00	7.25	14.25
273	Trần Hùng	Cường	Nam	30/08/1971	Vĩnh Phúc	7.75	6.25	14.00
274	Trần Thị	Luân	Nữ	18/02/1984	Hải Dương	6.00	8.00	14.00
275	Phạm Thị	Lý	Nữ	13/08/1976	Nam Định	5.00	9.00	14.00
276	Nguyễn Hoàng	Quân	Nam	19/02/1972	Sóc Trăng	7.50	6.50	14.00
277	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	14/02/1990	Tuyên Quang	7.50	6.25	13.75
278	Nguyễn Thị	Xiêm	Nữ	02/11/1976	Hưng Yên	6.50	7.25	13.75

279	Nguyễn Đức	Nghị	Nam	24/01/1969	Hà Nam	6.50	7.25	13.75
280	Hồ Quốc	Cường	Nam	01/01/1972	Tây Ninh	8.00	5.50	13.50
281	Nguyễn Ngọc	Sĩ	Nam	07/05/1969	Đồng Tháp	7.75	5.75	13.50
282	Nguyễn Đức	Hậu	Nam	26/10/1984	Hải Dương	5.75	7.50	13.25
283	Lê Khắc	Hoàng	Nam	19/01/1985	Thanh Hóa	6.75	6.50	13.25
284	Trần Tuyết	Mai	Nữ	28/07/1985	Hà Nam	7.00	6.25	13.25
285	Đỗ Quang	Trung	Nam	10/08/1982	Phú Thọ	6.75	6.50	13.25
286	Trần Thị Kim	Loan	Nữ	30/10/1990	BR-VT	5.00	8.25	13.25
287	Lèo Văn	Mai	Nam	02/09/1979	Sơn La	6.75	6.25	13.00
288	Phạm Quang	Thủy	Nam	18/03/1966	Hải Phòng	7.00	6.00	13.00
289	Đỗ Văn	An	Nam	19/12/1979	Lạng Sơn	6.25	6.50	12.75
290	Và Thị	Mây	Nữ	17/08/1983	Sơn La	6.75	6.00	12.75
291	Nguyễn Đình	Hiệu	Nam	09/02/1982	Thái Bình	5.00	7.50	12.50
292	Nguyễn Quốc	Hùng	Nam	14/07/1972	Hải Phòng	5.75	6.00	11.75
293	Lý Mạnh	Hưng	Nam	16/05/1980	Lạng Sơn	6.25	5.50	11.75
294	Lưu Thị Hồng	Vân	Nữ	21/04/1985	Thái Bình	5.25	6.50	11.75
295	Lê Thanh	Hải	Nam	03/02/1978	Thanh Hóa	5.00	6.50	11.50
296	Phạm Thị Thanh	Hiếu	Nữ	30/01/1973	Ninh Bình	5.75	5.75	11.50
297	Vàng Văn	Thêm	Nam	12/08/1988	Hà Giang	5.75	5.75	11.50
298	Tổng Văn	Tuấn	Nam	22/01/1985	Thanh Hóa	6.50	5.00	11.50
299	Nguyễn Minh	Tùng	Nam	08/09/1986	Hòa Bình	6.00	5.50	11.50
300	Lý Thị Hằng	Nga	Nữ	14/10/1983	Lạng Sơn	5.00	6.00	11.00
301	Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	12/10/1979	Ninh Bình	5.75	5.00	10.75
302	Nguyễn Mạnh	Dũng	Nam	06/05/1974	Tuyên Quang	5.25	5.25	10.50
303	Phạm Thị Khánh	Mỹ	Nữ	08/09/1974	Thái Bình	5.50	5.00	10.50
304	Lê Văn	Thịnh	Nam	02/03/1970	Hòa Bình	5.50	5.00	10.50
305	Nguyễn Hùng	Hải	Nam	12/09/1984	Thanh Hóa	5.00	5.00	10.00

(Danh sách gồm 305 học viên)

ht

4
7b